

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHƯ SÊ
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 07/2021/HNGĐ-ST

Ngày 20 - 4 - 2021

V/v “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯ SÊ, TỈNH GIA LAI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Đoàn Ngọc Tú.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đỗ Thị Giang.

2. Bà Nay H’Chim

Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Hồng Hạnh, cán bộ Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngân, Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 4 năm 2021, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2020/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 11 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2021, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trương Thị T, sinh năm 1987.

2. *Bị đơn:* Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1980.

Nơi đăng ký HKTT: Tổ dân phố xx, thị trấn Chư S, huyện Chư S, tỉnh Gia L.

Nơi đăng ký tạm trú: Thôn xx, xã Ia B, huyện Chư S, tỉnh Gia L.

(Chị T có mặt, anh T có đơn xin xét xử vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/8/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trương Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Sau thời gian tìm hiểu, được sự đồng ý của hai bên gia đình thì chị và anh Đỗ Văn T tự nguyện đi đến hôn nhân và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Chư S, huyện Chư S, tỉnh Gia L ngày 02/02/2007. Trong thời gian chung sống lúc đầu vợ chồng sống hạnh phúc cho đến thời gian về sau này thì vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Dù đã rất nhiều lần tìm cách hàn gắn nhưng vẫn không có kết quả, tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, nguyên nhân chính là bất đồng về quan điểm sống lẫn tính cách, anh T bài bạc không lo làm ăn, chị T đã khuyên nhủ rất nhiều nhưng không có kết quả. Xác định tình cảm không còn mục đích hôn nhân không

đạt được, cuộc sống hôn nhân không thể kéo dài. Chị Trương Thị T yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đỗ Văn T.

Về con chung: Chị Trương Thị T và anh Đỗ Văn T có 02 con chung là Đỗ Ngọc Á, sinh ngày 10/11/2007 và Đỗ Tiến Đ, sinh ngày 12/5/2013. Khi ly hôn chị T muốn được nuôi dưỡng và chăm sóc cả hai cháu Á và Đ. Tại phiên tòa hôm nay, chị T thay đổi yêu cầu đối với con chung, giao cháu Đỗ Ngọc Á cho anh T, chị T sẽ nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Đ, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và vay nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 05/11/2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, anh Đỗ Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt, anh vẫn giữ nguyên ý kiến của ông như tại các buổi các hòa giải. Nội dung đơn xin xét xử vắng mặt như sau:

Anh Đỗ Văn T công nhận đúng như chị Trương Thị T vừa trình bày về việc kết hôn. Tuy nhiên anh không đồng ý ly hôn vì anh cho rằng giữa anh chị không có bất cứ mâu thuẫn nào mà dẫn đến việc ly hôn. Chính vì không đồng ý ly hôn nên anh không có yêu cầu gì đối với yêu cầu con chung. Tuy nhiên nếu trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, anh Đỗ Văn T muốn được nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Đỗ Tiến Đ, sinh ngày 12/5/2013, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và vay nợ chung: anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát huyện Chư S phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa là đúng quy định của pháp luật, việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không có sai phạm gì.

Ý kiến quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chư Sê về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 51, 56, 71, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Trương Thị T được ly hôn với anh Đỗ Văn T; Về con chung: Giao cháu Đỗ Tiến Đ, sinh ngày 12/5/2013 cho chị T; Giao cháu Đỗ Ngọc Á, sinh ngày 10/11/2007 cho anh T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cho đến khi con thành niên hoặc đã thành niên bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung: đương sự không yêu cầu nên miễn xét. Về án phí: Buộc chị Trương Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Ngày 28/8/2020, nguyên đơn chị Trương Thị T có đơn khởi kiện ly hôn, tranh chấp nuôi con với bị đơn anh Đỗ Văn T và nộp kèm các tài liệu, chứng cứ để chứng minh yêu cầu khởi kiện của mình là có căn cứ, hợp pháp. Xét hình thức nội dung đơn khởi kiện của chị Trương Thị T đúng quy định, anh Đỗ Văn T có nơi cư trú tại Thôn xx, xã Ia Bl, huyện Chư S, tỉnh Gia nên Tòa án nhân dân huyện Chư Sê, tỉnh Gia L đã tiến hành thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét quan hệ hôn nhân:

Chị Trương Thị T và anh Đỗ Văn T chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Chư S, huyện Chư S, tỉnh Gia L ngày 02/02/2007. Quan hệ hôn nhân của anh chị được xác lập trên cơ sở tự nguyện và đảm bảo các quy định của pháp luật về điều kiện kết hôn, do đó quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp và được pháp luật công nhận.

Theo chị T nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn là do anh Đỗ Văn T đam mê cờ bạc, không quan tâm đến gia đình, từ đó cả hai thường xuyên cãi nhau, cuộc sống vợ chồng không có tiếng nói chung nên dẫn đến chung sống không hạnh phúc. Qua xác minh tại nơi cư trú, chính quyền địa phương không biết rõ nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn giữa hai vợ chồng nhưng được biết anh T thường xuyên bài bạc. Còn anh Đỗ Văn T cho rằng giữa anh và chị T không có mâu thuẫn gì nên anh không đồng ý ly hôn, vì anh vẫn còn tình cảm yêu thương vợ con.

Tại phiên tòa, mặc dù Hội đồng xét xử đã phân tích, giải thích về quyền, nghĩa vụ của vợ, chồng, động viên chị T rút đơn khởi kiện xin ly hôn để quay về đoàn tụ với anh T nhưng chị Thảo kiên quyết giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn mặc dù vắng mặt anh T với lý do vợ chồng anh chị đã mâu thuẫn từ lâu, bản thân chị hiện không còn tình cảm với anh Đỗ Văn T.

Xét mâu thuẫn hôn nhân giữa chị T và anh T là có thật, hiện chị T không còn tình cảm yêu thương anh T nên kiên quyết xin ly hôn. Do đó căn cứ các Điều 19, 21, khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị T được ly hôn với anh Đỗ Văn .

[3] Về con chung: Chị Trương Thị T và anh Đỗ Văn có 02 con chung là Đỗ Ngọc Á, sinh ngày 10/11/2007 và Đỗ Tiến Đ, sinh ngày 12/5/2013. Khi ly hôn chị muốn được nuôi dưỡng và chăm sóc cả hai cháu Á và Đ, không yêu cầu anh Đỗ Văn T cấp dưỡng nuôi con. Ý kiến của anh T, nếu trong trường hợp Tòa án giải quyết ly hôn, anh Đỗ Văn T muốn được nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Đỗ Tiến Đ, sinh ngày 12/5/2013, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con.

Theo quy định của pháp luật khi giải quyết việc ly hôn phải xem xét nguyện vọng của con từ đủ 07 tuổi trở lên theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình Tòa án đã tiến hành làm việc với các cháu Đỗ Ngọc Á và Đỗ Tiến Đ. Qua làm việc với hai cháu để xem xét về việc ghi nhận nguyện vọng của các cháu về việc cha mẹ cháu ly hôn, thì các cháu có nguyện vọng muốn được ở với chị Thảo.

Hiện nay cả chị T và anh T đều có công việc và có thu nhập, tuy nhiên xét về điều kiện kinh tế và thời gian làm việc của chị T thì không thể đảm bảo được việc nuôi dưỡng, chăm sóc cùng một lúc hai con chung. Trong khi đó, anh T có công việc, có thu nhập thì việc nuôi dưỡng và chăm sóc một trong các con chung sẽ đảm bảo và tốt hơn với việc chị T cùng một lúc nuôi hai con chung. Tại phiên tòa hôm nay, chị T thay đổi nguyện vọng nuôi con chung, vì cháu Đ còn nhỏ nên chị T muốn được nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Đ, giao cháu Đỗ Ngọc Á cho anh Thanh, không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con. Vì vậy, dựa trên điều kiện kinh tế, hoàn cảnh hiện tại, nguyện vọng của đương sự và của các con, Hội đồng xét xử giao cháu Đỗ Ngọc Á, sinh ngày 10/11/2007 cho anh T; giao cháu Đỗ Tiến Đ, sinh ngày 12/5/2013 cho anh T chị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp theo quy định tại Điều 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Vì các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, tôn trọng quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự, xét thấy quyền lợi của các con vẫn được đảm bảo nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Buộc chị Trương Thị T phải chịu án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 điều 228, điều 266 và Điều 273 Bộ Luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84, Điều 85 và Điều 86 Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 và danh mục án phí lệ phí kèm theo Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Trương Thị T, xử cho chị Trương Thị T được ly hôn với anh Đỗ Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Ngọc Á, sinh ngày 10/11/2007 cho anh Đỗ Văn T và giao cháu Đỗ Tiến Đ, sinh ngày 12/5/2013 cho chị Trương Thị T trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên hoặc đã thành niên nhưng bị tàn tật, mất năng lực hành vi dân sự, không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Toà án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc việc cấp dưỡng nuôi con.

3. Về cấp dưỡng nuôi con, về tài sản chung và nợ chung: Miễn xét.

4. Về án phí: Buộc chị Trương Thị T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ Nhà nước. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0003037 ngày 02/11/2020 của Chi cục thi hành án huyện Chư S, tỉnh Gia L. Chị Trương Thị T đã nộp xong.

5. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn là chị Trương Thị T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (20/4/2021). Bị đơn là anh Đỗ Văn T vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo là 15 ngày, tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các Điều 6, 7, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự ;
- VKSND huyện Chư S;
- Chi cục THADS huyện Chư S;
- Tòa án nhân dân tỉnh Gia ;
- UBND T.T Chư S, H, Chư S, T. Gia L;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VT .

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đoàn Ngọc Tú